

BÁO CÁO

Đánh giá tác động thủ tục hành chính trong Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) *(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đánh giá tác động thủ tục hành chính trong Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát Dự án Luật tài nguyên nước (sửa đổi) với tổng số lượng thủ tục hành chính (TTHC) mới và sửa đổi, bổ sung là 12 TTHC, trong đó có 03 TTHC mới và 09 TTHC sửa đổi, bổ sung gồm:

1. Thủ tục hành chính mới:

- Thẩm định phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa (Điều 41).
- Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước khi thực hiện đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu trữ nước, tạo cảnh quan (Điều 62).
- Thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước (Điều 73).

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

- Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 7).
- Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (Điều 26).
- Thẩm định dự án chuyển nước (Điều 40).
- Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 46).
- Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (Điều 54).
- Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 54).

- Thủ tục chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa, đập dâng (Điều 55).
- Chấp thuận đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi, khoáng sản khác trên sông, hồ (Điều 65).
- Phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 68).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Các TTHC sửa đổi, bổ sung dự kiến đưa ra trong Dự án Luật về cơ bản chỉ cấu thành tên TTHC và một số nội dung chính (đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết), chưa hình thành đầy đủ nội dung của TTHC (gồm trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí...). Vì vậy, báo cáo này đánh giá tác động chung của các thủ tục, bao gồm sự cần thiết của TTHC dự kiến ban hành, tính hợp lý, hợp pháp và các thông tin khác. Việc đánh giá chi phí tuân thủ TTHC cũng mang tính tương đối do các văn bản dưới luật sẽ quy định cụ thể trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí của các TTHC nêu trên. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

1. Các thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới

a) TTHC 1: Thẩm định phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa (Điều 41).

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: quy trình vận hành liên hồ chứa được ban hành nhằm bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước cho hạ du, an toàn cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường và điều kiện thời tiết bất thường, biến động về nguồn nước; được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với việc vận hành công trình trong mùa lũ và mùa cạn.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 41 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

b) TTHC 2: Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước khi thực hiện đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu trữ nước, tạo cảnh quan (Điều 62).

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: hoạt động đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan nhằm điều hoà, cấp nước, phòng, chống ngập, úng, tạo cảnh quan sinh thái phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có ý kiến bằng văn bản trước khi tiến hành.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 62 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

c) *TTHC 3: Thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước (Điều 73).*

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước phải được Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hoá.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BHM tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 73 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

2. Các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

a) *TTHC 4: Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 7)*

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Việc lấy ý kiến trước khi triển khai đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm công khai, minh bạch những tác động lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn và những biện pháp giảm thiểu tác động.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 7 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

b) *TTHC 5: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (Điều 26)*

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng, trong đó có bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước; tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước của nhân dân và do cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước thẩm định, phê duyệt.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 26 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

c) *TTHC 6: Thẩm định dự án chuyển nước quy mô lớn (Điều 40)*

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Việc thực hiện dự án chuyển nước quy mô lớn là một hoạt động rất quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn, được thực hiện dựa trên các căn cứ luật định và phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 40 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

d) TTHC 7: Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 46)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước là một trong những công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước ở trung ương và địa phương, qua đó nhằm bảo vệ quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 46 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

đ) TTHC 8: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (Điều 54)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Việc thăm dò nước dưới đất có ảnh hưởng lớn đến các tầng chứa nước dưới đất, vì vậy cần phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp giấy phép theo quy định.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 54 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

e) TTHC 9: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 54)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Việc thi công các công trình khoan nước dưới đất có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và số lượng nước dưới đất, vì vậy cần phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp giấy phép hành nghề theo quy định.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 54 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

g) TTHC 10: Thủ tục chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa, đập dâng (Điều 55)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: hoạt động sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước có ảnh hưởng đến chất lượng nước và phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 53 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

h) TTHC 11: Chấp thuận đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi, khoáng sản khác trên sông, hồ (Điều 65)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ có thể gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa, cần thiết phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai.

- Tính hợp lý, hợp pháp và các các thông tin khác: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 65 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

i) TTHC 12: Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 68)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: nhằm coi nước là tài sản theo quy định của Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015, dự thảo Luật quy định sử dụng nước trong một số trường hợp phải trả tiền trong đó có cấp nước cho sinh hoạt, bảo đảm công bằng trong sử dụng nước của tổ chức, cá nhân và hướng đến việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Tính hợp lý, hợp pháp và các các thông tin khác: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-SĐBS tại Phụ lục 2 kèm theo.

TTHC này được quy định tại Điều 68 Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

III. LẤY Ý KIẾN

Dự thảo Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) bao gồm các TTHC được gửi lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ngày 20/9/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 5544/BTNMT-TNN gửi một số Ủy ban của Quốc hội có liên quan, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, các hiệp hội và tập đoàn có liên quan đề nghị góp ý Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

- Ngày 20/9/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 5545/BTNMT-TNN gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chính phủ Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

- Trong quá trình soạn thảo, đơn vị soạn thảo đã tổ chức nhiều cuộc họp để tham vấn các chuyên gia, nhà quản lý và các cơ quan, tổ chức liên quan về TTHC và nội dung chuyên môn.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thẩm định phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa (Điều 41)

| I. SỰ CẦN THIẾT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN | |
|--|---|
| <p>1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?</p> | <p>a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Chủ hồ chứa đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa thì phải xây dựng phương án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ thẩm định phương án và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh phương án.</p> |
| <p>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</p> | <p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Chủ hồ chứa được đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa cho phù hợp với việc vận hành công trình trong mùa lũ và mùa cạn. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ thẩm định phương án và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh phương án.</p> |
| <p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p> | <p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Nhằm điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa cho phù hợp với việc vận hành công trình trong mùa lũ và mùa cạn. b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: điểm a khoản 6 Điều 41.</p> |
| <p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ biện pháp: Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:</p> |

| | |
|---|---|
| | Nếu Không, nêu rõ lý do: trình tự, thủ tục thẩm định phương án sẽ được quy định đơn giản, dễ thực hiện trong dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. - Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. |
| III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Thuận lợi cho chủ hồ chứa khi có nhu cầu điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa. |

| | |
|---|--|
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể về cách thức thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> |
| b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | Nêu rõ lý do: Phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ và của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Không quy định | - Nêu rõ lý do quy định: không quy định trong dự thảo Luật Tài nguyên nước, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: |

| | |
|---|---|
| b) Tên thành phần hồ sơ n: Không quy định | - Nêu rõ lý do quy định: không quy định trong dự thảo Luật Tài nguyên nước, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: Không quy định | Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa. Lý do quy định: cụ thể đối tượng thực hiện thủ tục. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa. Lý do quy định: cụ thể đối tượng thực hiện thủ tục. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: là tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa. |

| | |
|---|--|
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định trong dự thảo Luật. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: tạo sự thống nhất trong thực hiện. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |

| | |
|---|---|
| | - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Không quy định phí, lệ phí và các chi phí khác. |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | Sẽ được quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong tờ khai: + Nội dung thông tin: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: Không quy định | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: |

| | |
|---|--|
| <p>a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định</p> | <p>- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| <p>b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định</p> | <p>- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| <p>11. Kết quả thực hiện</p> | |
| <p>a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?</p> | <p>- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ:</p> |
| <p>b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?</p> | <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Tạo sự thống nhất trong thực hiện.</p> |
| <p>c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Không quy định</p> |

| | |
|--|--|
| Không quy định | |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước khi thực hiện đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu trữ nước, tạo cảnh quan (Điều 62).

| I. SỰ CẦN THIẾT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN | |
|---|--|
| 1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? | <p>a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước sẽ có ý kiến bằng văn bản đối với các hoạt động này trước khi triển khai.</p> |
| 2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm? | <p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan được Nhà nước cho ý kiến bằng văn bản trước khi triển khai thực hiện.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước sẽ có ý kiến bằng văn bản đối với các hoạt động này trước khi triển khai.</p> |
| 3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức? | <p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <p>Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân.</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 62.</p> |

| | |
|---|---|
| 4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ biện pháp: Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: Nếu Không, nêu rõ lý do: thủ tục cho ý kiến đơn giản, sẽ được quy định để thực hiện trong dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước sẽ có ý kiến bằng văn bản đối với các hoạt động đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan trước khi triển khai. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. - Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. |
| III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |

| | |
|---|--|
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiến hành. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể về cách thức thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> |
| b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | Nêu rõ lý do: Phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ và của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |

| | |
|---|---|
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Không quy định | - Nêu rõ lý do quy định: không quy định trong dự thảo Luật Tài nguyên nước, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: Không quy định | - Nêu rõ lý do quy định: không quy định trong dự thảo Luật Tài nguyên nước, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: Không quy định | Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: tổ chức đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan. Lý do quy định: cụ thể đối tượng thực hiện thủ tục. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan. |

| | |
|---|---|
| | <p>Lý do quy định: cụ thể đối tượng thực hiện thủ tục. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: là tổ chức, cá nhân đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan.</p> |
| b) Phạm vi áp dụng: | <p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định trong dự thảo Luật.</p> |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: tạo sự thống nhất trong thực hiện.</p> |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định.</p> |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | <p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:</p> |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Không quy định phí, lệ phí và các chi phí khác.</p> |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do: sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.</p> |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | <p>Sẽ được quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</p> <p>Lý do quy định:</p> |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: Không quy định | <p>Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.</p> <p>Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>+ Nội dung thông tin n:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> |

| | |
|--|--|
| | Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> |

| | |
|--|---|
| | - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Tạo sự thống nhất trong thực hiện. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Không quy định |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước (Điều 73)

| I. SỰ CẦN THIẾT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN | |
|--|--|
| 1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? | <p>a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước sẽ được Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hoá.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng nhiệm vụ sẽ tổ chức thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hoá và bàn giao cho đơn vị sử dụng.</p> |
| 2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm? | <p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước sẽ được Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hoá.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi tiến hành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa.</p> |

| | |
|--|--|
| <p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p> | <p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính: bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi tiến hành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa. b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: khoản 7 Điều 73.</p> |
| <p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ biện pháp: Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: Nếu Không, nêu rõ lý do: trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa sẽ được quy định đơn giản, dễ thực hiện trong dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.</p> |
| <p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p> | |
| <p>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</p> | <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, xác nhận sẽ do Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</p> |
| <p>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</p> | <p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo. - Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo.</p> |

| | |
|---|--|
| <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo.</p> | |
| III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> |

| | |
|--|--|
| Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể về cách thức thực hiện trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ và của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Không quy định | - Nêu rõ lý do quy định: không quy định trong dự thảo Luật Tài nguyên nước, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: Không quy định | - Nêu rõ lý do quy định: không quy định trong dự thảo Luật Tài nguyên nước, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: Không quy định | Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: |

| | |
|---|--|
| Không quy định | |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | <p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: tổ chức thực hiện hoạt động xã hội hóa. Lý do quy định: cụ thể đối tượng thực hiện thủ tục.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Cá nhân thực hiện hoạt động xã hội hóa. Lý do quy định: cụ thể đối tượng thực hiện thủ tục.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xã hội hóa.</p> |
| b) Phạm vi áp dụng: | <p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định trong dự thảo Luật.</p> |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: tạo sự thống nhất trong thực hiện.</p> |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định.</p> |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |

| | |
|---|--|
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | <p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có nêu rõ lý do:</p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (<i>nếu được quy định tại dự án, dự thảo</i>):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:</p> |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Không quy định phí, lệ phí và các chi phí khác.</p> |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do: sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.</p> |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | <p>Sẽ được quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước.</p> <p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</p> <p>Lý do quy định:</p> |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước. |

| | |
|--|---|
| Không quy định | <p>Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Lý do quy định:</p> <p>+ Nội dung thông tin n: Lý do quy định:</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:</p> |
| d) Ngôn ngữ | <p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p> |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p> |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | <p>- Lý do quy định:</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | <p>- Lý do quy định:</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | <p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Tạo sự thống nhất trong thực hiện. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Không quy định |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 7)

| | |
|---|---|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | 1. Điều 7 dự thảo Luật |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định các hoạt động phải lấy ý kiến, cơ quan phải lấy ý kiến. Các quy định về trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |

| | |
|---|--|
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện thành phần hồ sơ chưa được quy định trong dự thảo Luật; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện thành phần hồ sơ chưa được quy định trong dự thảo Luật; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| <i>Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):</i> | |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Tổ chức đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải lấy ý kiến. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân đầu tư dự án có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải lấy ý kiến. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: thống nhất trên cả nước - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |

| | |
|---|--|
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: tạo sự thống nhất, rõ ràng trong quá trình thực hiện TTHC. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: |

| | |
|---|--|
| | + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Không quy định |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: | - Lý do quy định: |

| | |
|---|---|
| | <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | <p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: <input checked="" type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm.</p> <p>- Nếu Không, nêu rõ lý do:</p> |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | <p>Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| <p>Họ và tên người điền:.....</p> <p>Điện thoại cố định: Di động:.....</p> <p>Email:.....</p> | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (Điều 26)

| | |
|---|---|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | 1. Khoản 4 Điều 26 dự thảo Luật |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các hồ chứa nước khác phải cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định và bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ. Các quy định về nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |

| | |
|---|---|
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Về cách thức thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | <p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các hồ chứa nước khác. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối tượng thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các hồ chứa nước khác. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối tượng thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định</p> |
| b) Phạm vi áp dụng: | <p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: thống nhất trên cả nước</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định</p> |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: tạo sự thống nhất, rõ ràng trong quá trình thực hiện. |

| | |
|---|---|
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (<i>nếu được quy định tại dự án, dự thảo</i>): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Dự thảo Luật không quy định. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: |

| | |
|--|--|
| | <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:</p> |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | <p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định:</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:</p> |
| d) Ngôn ngữ | <p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p> |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | <p>- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | <p>- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |

| | |
|--|---|
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? Không quy định | - Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... | |
| Điện thoại cố định: Di động:..... | |
| Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6: Thẩm định dự án chuyển nước quy mô lớn (Điều 40)

| | |
|--|--|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | 2. Khoản 2 Điều 40 dự thảo Luật |
| <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định trường hợp dự án chuyển nước quy mô lớn chưa được xác định trong quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh thì chủ dự án lập hồ sơ đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc quyết định điều chỉnh, bổ sung trước khi quyết định việc đầu tư. Các quy định về trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |

| | |
|---|--|
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Tổ chức lập dự án chuyển nước lưu vực sông. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với đối tượng thực hiện. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân lập dự án chuyển nước lưu vực sông. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với đối tượng thực hiện. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: thống nhất trên cả nước - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: tạo sự thống nhất, rõ ràng trong quá trình thực hiện. |

| | |
|---|--|
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: |

| | |
|---|--|
| | Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Không quy định |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: |

| | |
|---|---|
| | + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input checked="" type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... Điện thoại cố định: Di động:..... Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 7: Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 46)

| | |
|--|--|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | Điều 46 dự thảo Luật |
| <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định các trường hợp phải đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Các quy định về trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> |

| | |
|--|--|
| Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải đăng ký, cấp phép. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải đăng ký, cấp phép. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: thống nhất trên cả nước - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |

| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
|---|---|
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | <p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): không quy định</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:</p> |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | <p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>+ Nội dung thông tin n:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> |

| | |
|--|--|
| | Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: |

| | |
|---|---|
| | + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input checked="" type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... Điện thoại cố định: Di động:..... Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 8: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (Điều 54)

| | |
|--|---|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | Khoản 1 Điều 54 dự thảo Luật |
| <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định tổ chức, cá nhân thăm dò nước dưới đất phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Các quy định về trình tự, thủ tục, trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> |

| | |
|--|--|
| Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này, sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Tổ chức thăm dò nước dưới đất thuộc trường hợp phải cấp phép. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải cấp phép. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân thăm dò nước dưới đất thuộc trường hợp phải cấp phép. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải cấp phép. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: thống nhất trên cả nước - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|---|---|
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (<i>nếu được quy định tại dự án, dự thảo</i>): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: |

| | |
|--|--|
| | + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: |

| | |
|---|---|
| | + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input checked="" type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... Điện thoại cố định: Di động:..... Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 9: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 54)

| | |
|---|--|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | Khoản 2 Điều 54 dự thảo Luật |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định việc khoan điều tra, khảo sát, thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân có giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện. Các quy định về trình tự, thủ tục, trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |

| | |
|--|---|
| <p>a) Nộp hồ sơ:</p> <p>Trực tiếp <input type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input type="checkbox"/></p> <p>b) Nhận kết quả:</p> <p>Trực tiếp <input type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input type="checkbox"/></p> | <p>- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> <p>- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.</p> |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| <p>a) Tên thành phần hồ sơ 1:</p> | <p>- Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức:</p> <p>Lý do quy định:</p> |
| <p>b) Tên thành phần hồ sơ n:</p> | <p>- Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức:</p> <p>Lý do quy định:</p> |
| <p>c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ: Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |
| <p>d) Số lượng bộ hồ sơ:</p> | <p>Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> <p>Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):</p> |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| <p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p> | <p>- Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |

| | |
|--|---|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Tổ chức hành nghề khoan nước dưới đất thuộc trường hợp phải cấp phép. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải cấp phép. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất thuộc trường hợp phải cấp phép. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải cấp phép. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: thống nhất trên cả nước - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|---|--|
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: |

| | |
|---|--|
| | - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: |

| | |
|--|---|
| | + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input checked="" type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... Điện thoại cố định: Di động:..... Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 10: Thủ tục chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa, đập dâng (Điều 55)

| | |
|---|---|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | 1. Điều 53 dự thảo Luật |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định hoạt động sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước thì tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước hồ chứa phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản. Các quy định về trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |

| | |
|---|--|
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện thành phần hồ sơ chưa được quy định trong dự thảo Luật; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện thành phần hồ sơ chưa được quy định trong dự thảo Luật; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ: Hiện dự thảo Luật chưa quy định các giấy tờ này; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|---|---|
| <p>b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có).</p> |
| <p>6. Đối tượng thực hiện</p> | |
| <p>a) Đối tượng thực hiện:</p> | <p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Tổ chức sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước.</p> <p>Lý do quy định: thống nhất thực hiện trong thực tế.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Cá nhân sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước.</p> <p>Lý do quy định: thống nhất thực hiện trong thực tế.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định</p> |
| <p>b) Phạm vi áp dụng:</p> | <p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: thống nhất trên cả nước</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định</p> |
| <p>Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:</p> | |
| <p>7. Cơ quan giải quyết</p> | |

| | |
|---|--|
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: tạo sự thống nhất, rõ ràng trong quá trình thực hiện TTHC. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: |

| | |
|---|--|
| | + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Không quy định |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: | - Lý do quy định: |

| | |
|---|---|
| | <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ):</p> |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | <p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: Đề nghị nêu rõ:</p> |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.</p> |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm.</p> <p>- Nếu Không, nêu rõ lý do:</p> |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | <p>Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... | |
| Điện thoại cố định: Di động:..... | |
| Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 11: Chấp thuận đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi, khoáng sản khác trên sông, hồ (Điều 65).

| | |
|--|---|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | Khoản 2 Điều 65 dự thảo Luật |
| <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hiện dự thảo Luật chỉ quy định các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ phải có phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai, trừ đoạn sông có đê. Các quy định về trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trong thời điểm thực hiện TTHC này không có TTHC khác liên quan cùng thực hiện, do đó không áp dụng cơ chế liên thông |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |

| | |
|---|---|
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tạo thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (nếu có). |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Tổ chức có các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải được chấp thuận bằng văn bản. - Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Cá nhân có các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định. Lý do quy định: cụ thể, rõ ràng đối với các trường hợp phải được chấp thuận bằng văn bản. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: thống nhất trên cả nước - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: không quy định |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|---|---|
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (<i>nếu được quy định tại dự án, dự thảo</i>): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Không quy định: |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: |

| | |
|--|--|
| | - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Không quy định |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: Không quy định | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: |

| | |
|--|---|
| | + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input checked="" type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... Điện thoại cố định: Di động:..... Email:..... | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 12: Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 68)

| | |
|---|---|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i> | Điều 68 dự thảo Luật |
| II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i> | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: tên TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại dự thảo Luật nhằm thống nhất trong việc thực hiện. |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Dự thảo Luật không quy định |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |

| | |
|--|---|
| Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/> | - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Sẽ được quy định rõ ràng, cụ thể tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| 4. Thành phần, số lượng hồ sơ | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: | - Nêu rõ lý do quy định: Thành phần hồ sơ hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật. Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định: |
| b) Tên thành phần hồ sơ n: | - Nêu rõ lý do quy định: Thành phần hồ sơ hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật; sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. - Yêu cầu về hình thức: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định: |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: | Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): |
| 5. Thời hạn giải quyết | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Lý do quy định: |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy | - Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Dự thảo Luật không quy định. |

| | |
|---|--|
| định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | |
| 6. Đối tượng thực hiện | |
| <p>a) Đối tượng thực hiện:</p> <p>Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước để phát điện có mục đích thương mại; khai thác nước để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp bao gồm cả mục đích cấp cho sinh hoạt; khai thác nước dưới đất để trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô lớn.</p> | <p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Tổ chức khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, trong đó có cấp nước cho sinh hoạt.</p> <p>Lý do quy định: nhằm coi nước là tài sản, dự thảo Luật quy định sử dụng nước trong một số trường hợp phải trả tiền trong đó có nước cấp cho sinh hoạt, bảo đảm công bằng trong sử dụng nước của tổ chức, cá nhân và hướng đến việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Cá nhân khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, trong đó có cấp nước cho sinh hoạt.</p> <p>Lý do quy định: nhằm coi nước là tài sản, dự thảo Luật quy định sử dụng nước trong một số trường hợp phải trả tiền trong đó có nước cấp cho sinh hoạt, bảo đảm công bằng trong sử dụng nước của tổ chức, cá nhân và hướng đến việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định</p> |
| <p>b) Phạm vi áp dụng:</p> | <p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: thống nhất trên cả nước</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: không quy định</p> |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: | |
| 7. Cơ quan giải quyết | |

| | |
|---|--|
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Không quy định |
| 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input type="checkbox"/> Có <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: Phí thăm định hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): không quy định + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| c) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: |

| | |
|---------------------------------------|--|
| | + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n: | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: + Nội dung thông tin n: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Sẽ được quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện n: | - Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: |

| | |
|--|--|
| | + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Tạo sự thống nhất trong thực hiện thủ tục hành chính. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, theo thời hạn của giấy phép. - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? Không quy định | Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền:..... Điện thoại cố định: Di động:..... Email:..... | |

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)**1. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI****THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thẩm định phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa**

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|---|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 5 | 43.500 | | | 1 | 3 | 217.500 | 652.500 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phê duyệt tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 3 | 652.500 | 1.957.500 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 1 | 330.500 | 330.5 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 1 | 93.500 | 93.500 | Cước phí chuyên phát |
| | | Điện tử | 0,5 | 43.500 | | | 1 | 1 | 21.750 | 21.75 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | | | | | | 0 | 0 | |
| 3.1 | Phí | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.2 | Lệ phí | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | 24,0 | 43.500 | | | 1 | 3 | 1.044.000 | 3.132.000 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 5 | Công việc khác (nếu có) | | | | | | | | | 0 | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 1 | 330.500 | 330.500 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 1 | 43.500 | 43.500 | |
| | | Điện tử | 0 | 43.500 | | | 1 | 1 | 0 | 0 | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 6.534.250 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước khi thực hiện đào hồ, ao, đầm, tạo không gian thu trữ nước, tạo cảnh quan (Điều 62)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 5 | 43.500 | | | 1 | 3 | 217.500 | 652.500 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 3 | 652.500 | 1.957.500 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200000 | 1 | 1 | 130.500 | 130.500 | Chi phí đi lại |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|---|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| | | Bưu chính | 1 | 43.500 | | 50000 | | 1 | 43.500 | 43.500 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1 | 43.500 | | | 1 | 1 | 21.750 | 21.750 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | 20 | 43.500 | | | 1 | 3 | 1.044.000 | 2.610.000 | |
| 5 | Công việc khác (nếu có) | | | | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 1 | 130.500 | 130.500 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 1 | 43.500 | 43.500 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 1 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 5.789.750 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3 : Thăm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước (Điều 73)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|---|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 5 | 43.500 | | | 1 | 3 | 217.500 | 652.500 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 22 | 43.500 | | | 1 | 3 | 957.000 | 2.871.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200000 | 1 | 1 | 130.500 | 130.500 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu chính | 1 | 43.500 | | 50000 | | 1 | 43.500 | 43.500 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1 | 43.500 | | | 1 | 1 | 21.750 | 21.750 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | 23 | 43.500 | | | 1 | 3 | 1.000.500 | 3.001.500 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 5 | Công việc khác (nếu có) | | | | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 1 | 130.500 | 330.500 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 1 | 43.500 | 43.500 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 1 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 7.094.750 | |

2. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 7)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 7,5 | 43.500 | | | 1 | 25 | 326.250 | 8.156.250 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 16 | 43.500 | | | 1 | 25 | 696.000 | 17.400.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200000 | 1 | 10 | 130.500 | 1.305.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50000 | | 10 | 43.500 | 435.000 | Cước phí chuyên phát |
| | | Điện tử | 0,5 | 43.500 | | | 1 | 5 | 21.750 | 108.750 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 24 | 43.500 | | | 1 | 25 | 1.044.000 | 26.100.000 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 5 | 261.000 | 1.505.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 10 | 43.500 | 435.000 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 10 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 55.445.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (Điều 26)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 7 | 43.500 | | | 1 | 25 | 304.500 | 7.612.500 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 16 | 43.500 | | | 1 | 22 | 696.000 | 15.312.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200000 | 1 | 10 | 130.500 | 1.305.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50000 | | 10 | 43.500 | 435.000 | Cước phí chuyên phát |
| | | Điện tử | 1 | 43.500 | | | 1 | 5 | 43.500 | 217.500 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 20 | 43.500 | | | 1 | 25 | 870.000 | 21.750.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 5 | 261.000 | 1.505.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 10 | 43.500 | 435.000 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 10 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 48.572.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6: Thẩm định dự án chuyển nước quy mô lớn (Điều 40)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 6.0 | 43.500 | | | 1 | 22 | 261.000 | 5.742.000 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 7 | 43.500 | | | 1 | 22 | 304.500 | 6.699.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 10 | 130.500 | 1.505.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 10 | 43.500 | 485.000 | Cước phí chuyên phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 2 | 43.500 | 87.000 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 8 | 43.500 | | | 1 | 22 | 348.000 | 7.656.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 2 | 261.000 | 722.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 10 | 43.500 | 435.000 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 10 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 23.331.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 7: Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Điều 46)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 10 | 43.500 | | | 1 | 300 | 435.000 | 130.500.000 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 300 | 652.500 | 195.750.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 150 | 130.500 | 19.775.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 100 | 43.500 | 4.400.000 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 50 | 43.500 | 2.175.000 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 35 | 43.500 | | | 1 | 300 | 1.522.500 | 456.750.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 100 | 261.000 | 26.300.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 150 | 43.500 | 6.525.000 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 50 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 842.175.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 8: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (Điều 54)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 10 | 43.500 | | | 1 | 200 | 435.000 | 87.000.000 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 200 | 652.500 | 130.500.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 100 | 130.500 | 13.250.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 80 | 43.500 | 3.530.000 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 20 | 43.500 | 870.000 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----|---|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 35 | 43.500 | | | 1 | 200 | 1.522.500 | 304.500.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 100 | 261.000 | 26.300.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 50 | 43.500 | 2.175.000 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 50 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 568.125.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 9: Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Điều 54)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 10 | 43.500 | | | 1 | 50 | 435.000 | 21.750.000 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 50 | 652.500 | 32.625.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 30 | 130.500 | 4.115.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 20 | 43.500 | 920.000 | Cước phí |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| | | | | | | | | | | | chuyên phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 10 | 43.500 | 435.000 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 35 | 43.500 | | | 1 | 50 | 1.522.500 | 76.125.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 30 | 261.000 | 8.030.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 10 | 43.500 | 435.000 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 10 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 144.435.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 10: Thủ tục chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa, đập dâng (Điều 55)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 10 | 43.500 | | | 1 | 15 | 435.000 | 6.525.000 | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 15 | 652.500 | 9.787.500 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 7 | 130.500 | 1.113.500 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 5 | 43.500 | 267.500 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 3 | 43.500 | 130.500 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 35 | 43.500 | | | 1 | 15 | 1.522.500 | 22.837.500 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 2 | 261.000 | 722.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 13 | 43.500 | 565.500 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 10 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 41.949.000 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 11: Chấp thuận đối với các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi, khoáng sản khác trên sông, hồ (Điều 65)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 10 | 43.500 | | | 1 | 10 | 435.000 | 4.350.000 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 10 | 652.500 | 6.525.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 5 | 130.500 | 852.500 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 2 | 43.500 | 137.000 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 3 | 43.500 | 130.500 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 35 | 43.500 | | | 1 | 10 | 1.522.500 | 15.225.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 2 | 261.000 | 722.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 7 | 43.500 | 304.500 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 28.246.500 | |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 12: Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Điều 68)

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chuẩn bị hồ sơ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Văn bản đề nghị | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 10 | 43.500 | | | 1 | 300 | 435.000 | 130.500.000 | |
| 1.2 | Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án | Soạn tài liệu, in ấn, phô tô tài liệu | 15 | 43.500 | | | 1 | 300 | 652.500 | 195.750.000 | |
| 2 | Nộp hồ sơ | Trực tiếp | 3 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 150 | 130.500 | 19.775.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bru chính | 1 | 43.500 | | 50.000 | | 100 | 43.500 | 4.400.000 | Cước phí chuyển phát |
| | | Điện tử | 1.0 | 43.500 | | | 1 | 50 | 43.500 | 2.175.000 | |
| 3 | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 3.1 | Phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |

| TT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|----------------------|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| 3.2 | Lệ phí | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) | | | 43.500 | | - | - | - | - | - | |
| 4 | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền | | 35 | 43.500 | | | 1 | 300 | 1.522.500 | 456.750.000 | |
| 5 | Công việc khác | | | 43.500 | | | | | - | - | |
| 6 | Nhận kết quả | Trực tiếp | 6 | 43.500 | | 200.000 | 1 | 150 | 261.000 | 39.350.000 | Chi phí đi lại |
| | | Bưu điện | 1 | 43.500 | | | 1 | 100 | 43.500 | 4.350.000 | |
| | | Điện tử | - | 43.500 | | | 1 | 50 | - | - | |
| | TỔNG | | | | | | | | | 853.050.000 | |